

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2020/HSST.
Ngày 20/11/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Danh Đại.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hòa và ông Bùi Văn Bửu.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Ông Lục Văn Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HS ngày 14/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HS ngày 30/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2020/QĐST-HS ngày 11/11/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Xuân T; tên gọi khác: Không; sinh năm 1976 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ dân phố 7, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Lê Trọng T, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; vợ Lê Thị L, sinh năm 1979 và không có con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/7/2020 đến ngày 12/7/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. - có mặt

2. Họ và tên: Nguyễn Tấn L; tên gọi khác: Không; sinh năm 1987 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; vợ Lê Thị T, sinh năm 1989 và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/7/2020 đến ngày 12/7/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. - có mặt

3. Họ và tên: Lê Viết H; tên gọi khác: Không; sinh năm 1976 tại Hà Nội; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Lê Xuân T, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1950; vợ Mai Thị P, sinh năm 1992 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ

nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/7/2020 đến ngày 12/7/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. - có mặt

4. Họ và tên: Phạm Văn H1; tên gọi khác: Không; sinh năm 1984 tại Hải Dương; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1958 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1958; vợ Nguyễn Thị M, sinh năm 1987 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/7/2020 đến ngày 12/7/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. - có mặt

5. Họ và tên: Khấu Văn K; tên gọi khác: Không; sinh năm 1980 tại Cao Bằng; nơi cư trú: Tổ dân phố 7, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Khấu Văn S, sinh năm 1952 và con bà Lý Thị D, sinh năm 1954; vợ Liễu Thị T, sinh năm 1991 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/7/2020 đến ngày 12/7/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. - có mặt

6. Họ và tên: Phạm Văn N; tên gọi khác: Không; sinh năm 1964 tại Hải Dương; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Phạm Văn K (đã chết) và con bà Vũ Thị Đ (đã chết); vợ Vũ Thị T, sinh năm 1968 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/7/2020 đến ngày 12/7/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. - có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/7/2020, Lê Viết H, Phạm Văn H1, Khấu Văn K đến nhà Lê Xuân T ở tổ dân phố 7, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông để uống rượu. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì uống xong, T xuống khu vực bếp rửa chén. Lúc này H rủ H1, K đánh bạc thắng thua bằng tiền thì cả hai đồng ý. Sau đó H, H1, K lấy 01 bộ bài tú lơ khơ và 01 chăn vải màu đỏ, kẻ ca rô màu đen có sẵn tại nhà T, rồi tiến hành đánh bạc dưới hình thức bài “Liêng” tại khu vực phòng khách nhà T. Hình thức đánh bài “Liêng” như sau: Người chơi ngồi thành vòng tròn và sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 lá, trước khi chia bài mỗi người bỏ ra 10.000 đồng gọi là tiền “nước”; sau đó mỗi người được chia 03 quân bài (quân bài úp), chia xong người đầu tiên của vòng chia sẽ được quyền tố trước, có thể tố thêm ít nhất 10.000 đồng nhưng cao nhất không quá 100.000 đồng hoặc có thể úp bài coi như thua ván đó; người tiếp theo có thể tố nhưng phải bỏ ra số

tiền bằng người trước đó đã tố hoặc có thể tố thêm, hoặc úp bài coi như thua; lần lượt tố theo vòng cho đến khi không còn ai tố nữa thì ngừng bài ra so sánh tìm người thắng; cách so bài tìm ra người thắng như sau: Bài lớn nhất có 03 quân bài giống nhau, chỉ khác nhau về chất gọi là “sáp”, tiếp đến là 03 quân bài liền kề nhau, không cần đồng chất gọi là “Liêng”, bài kế tiếp là 03 quân bài hình người J, Q, K nhưng không tạo thành “sáp” hay “Liêng” gọi là “ba tây” và cuối cùng là tính điểm của ba quân bài cộng lại lấy số ở hàng đơn vị, trong các quân J, Q, K đều được tính 10 điểm, nếu bài ai lớn nhất thì thắng và được toàn bộ số tiền đã tố, sau đó người thắng sẽ chia bài cho ván tiếp theo.

Đến khoảng 14 giờ thì T rửa chén xong đi lên phòng khách thấy H, H1 và K đang đánh bạc thì T cùng tham gia. Sau đó khoảng 10 phút sau, Phạm Văn N sang nhà T chơi, thấy đang đánh bạc thì N cũng tham gia, đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày thì có Nguyễn Tấn L sang nhà T thì thấy đang đánh bạc ở đó. L mượn của T số tiền 1.000.000 đồng và tham gia đánh bạc cùng; sau khi đánh được một lúc do thua hết tiền nên L tiếp tục mượn T 1.000.000 đồng nữa để đánh bạc. Khi đánh bạc các bị cáo thu tiền xâu để trả tiền mua nước uống, cách thu: Nếu trong một ván người nào thắng được từ 200.000 đồng trở lên thì phải đóng tiền xâu 20.000 đồng. Lê Xuân T, Nguyễn Tấn L, Lê Viết H, Phạm Văn H1, Khấu Văn K và Phạm Văn N đánh bạc đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện C bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.490.000 đồng, trong đó có 280.000 đồng là tiền xâu và 270.000 đồng được để giữa sòng là số tiền các bị cáo đang đánh, chưa tìm ra người thắng cuộc.

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Vật chứng của vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện C thu giữ gồm:

- Thu giữ tại sòng bạc, tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 5.490.000 đồng;
- 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá;
- 01 chăn vải màu đỏ, kẻ ca rô màu đen có in hình bông hoa;
- Thu giữ trên người của Lê Xuân T số tiền 4.550.000 đồng, trên người của Nguyễn Viết H số tiền 1.000.000 đồng; trên người Phạm Văn H1 số tiền 400.000 đồng; trên người của Khấu Văn K số tiền 730.000 đồng và trên người Phạm Văn N số tiền 1.410.000 đồng.

Quá trình điều tra đã chứng minh được số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 10.770.000 đồng, trong đó Lê Xuân T sử dụng số tiền 5.050.000 đồng (gồm 500.000 đồng bỏ ra sòng, 4.550.000 đồng để trên người), Nguyễn Tấn L sử dụng số tiền 2.000.000 đồng (là số tiền mượn của bị cáo T), Lê Viết H sử dụng số tiền 500.000 đồng, Phạm Văn H1 sử dụng số tiền 670.000 đồng, Khấu Văn K sử dụng số tiền 1.230.000 đồng (gồm 500.000 đồng bỏ ra sòng, 730.000 đồng bỏ trên người), Phạm Văn N sử dụng số tiền 1.320.000 đồng.

Số tiền thu trên người Lê Viết H, Phạm Văn H1, Phạm Văn N không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên ngày 03/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện

C đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Lê Viết H, Phạm Văn H1 và Phạm Văn N.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Tấn L, Lê Viết H, Phạm Văn H1, Khấu Văn K và Phạm Văn N như tại bản Cáo trạng số: 36/CTr-VKS ngày 12/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đối với các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Tấn L, Lê Viết H, Phạm Văn H1, Khấu Văn K và Phạm Văn N phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Tấn L, Lê Viết H, Phạm Văn H1, Khấu Văn K và Phạm Văn N mỗi bị cáo từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho các bị cáo Lê Viết H số tiền 1.000.000 đồng, Phạm Văn H1 số tiền 400.000 đồng và Phạm Văn N số tiền 1.410.000 đồng.

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.770.000 đồng;

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá; 01 chăn vải màu đỏ, kẻ ca rô màu đen có in hình bông hoa.

Tại phiên tòa các bị cáo không bào chữa, không tranh luận gì mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Vào khoảng từ 13 giờ 30 đến 14 giờ 30 phút ngày 03/7/2020, tại nhà Lê Xuân T ở tổ dân phố 7, TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông, Lê Xuân T, Nguyễn Tấn L, Lê Viết H, Phạm Văn H1, Khấu Văn K và Phạm Văn N đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “Liêng” thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện C bắt quả tang thu giữ số tiền 10.770.000 đồng và các công cụ dùng để việc đánh bạc.

Hành vi của các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Tấn L, Lê Viết H, Phạm Văn H1, Khấu Văn K và Phạm Văn N vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.
.....”

[3] Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều đạt độ tuổi theo luật định và có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ vụ lợi, mục đích phạm tội là sát phạt nhau nhằm lấy tiền của người thua bạc. Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vị trí, vai trò khi đánh bạc; người rủ rê đồng thời tham gia đánh bạc. Do đó, cần xem xét xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội, cũng như bảo đảm được sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật Nhà nước ta.

Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự gì.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tại phiên tòa là có căn cứ, đúng luật, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên HĐXX xem xét, chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho các bị cáo Lê Viết H số tiền 1.000.000 đồng, Phạm Văn H1 số tiền 400.000 đồng và Phạm Văn N số tiền 1.410.000 đồng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.770.000 đồng;

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá; 01 chăn vải màu đỏ, kẻ ca rô màu đen có in hình bông hoa.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Tấn L, Lê Viết H, Phạm Văn H1, Khấu Văn K và Phạm Văn N phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Viết H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Khấu Văn K 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Tấn L, Lê Viết H, Phạm Văn H1, Khấu Văn K và Phạm Văn N cho Ủy ban nhân dân TT E, huyện C, tỉnh Đắk Nông phối hợp cùng với gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho các bị cáo Lê Viết H số tiền 1.000.000 đồng, Phạm Văn H1 số tiền 400.000 đồng và Phạm Văn N số tiền 1.410.000 đồng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.770.000 đồng;

(Theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 10/11/2020 tại Kho bạc Nhà nước huyện C, tỉnh Đắk Nông).

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá, 01 chăn vải màu đỏ, kẻ ca rô màu đen có in hình bông hoa dùng vào việc đánh bạc.

(Đặc điểm các vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/11/2020 giữa cơ quan CSĐT Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Tấn L, Lê Viết H, Phạm Văn H1, Khấu Văn K và Phạm Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

BÙI DANH ĐẠI